

Phụ lục I
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-STNMT ngày

tháng 01 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng dự toán đã giao			Tổng dự toán đã phân bổ			Trong đó					
								Văn phòng Sở			Chi cục Bảo vệ môi trường		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
	<u>SỐ THU CHI: PHÍ, LỆ PHÍ</u>												
1	Số thu phí, lệ phí	3.457	218	3.675	3.457	218	3.675	987	18	1.005	2.470	200	2.670
1.1	Lệ phí	711	8	719	711	8	719	711	8	719	0	0	0
a	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	711	8	719	711	8	719	711	8	719	0	0	0
1.2	Phí	2.746	210	2.956	2.746	210	2.956	276	10	286	2.470	200	2.670
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	76	0	76	76	0	76	76	0	76	0	0	0
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	200	10	210	200	10	210	200	10	210	0	0	0
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	1.000	100	1.100	1.000	100	1.100	0	0	0	1.000	100	1.100
d	Phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.300	100	1.400	1.300	100	1.400	0	0	0	1.300	100	1.400
e	Phí thăm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	170	0	170	170	0	170	0	0	0	170	0	170
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)	1.919,50	132	2.051,50	1.919,50	132	2.051,50	216	7	223	1.703,50	125	1.828,50
	Chi quản lý hành chính	1.919,50	132	2.051,50	1.919,50	132	2.051,50	216	7	223	1.703,50	125	1.828,50
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.919,50	132	2.051,50	1.919,50	132	2.051,50	216	7	223	1.703,50	125	1.828,50
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.537,50	86	1.623,50	1.537,50	86	1.623,50	771	11	782	766,50	75	841,50
3.1	Lệ phí	711	8	719	711	8	719	711	8	719	0	0	0
a	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	711	8	719	711	8	719	711	8	719	0	0	0
3.2	Phí	826,50	78	904,50	826,50	78	904,50	60	3	63	766,50	75	841,50
a	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
b	Phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	60	3	63	60	3	63	60	3	63	0	0	0

TT	NỘI DUNG	Tổng dự toán đã giao			Tổng dự toán đã phân bổ			Trong đó					
								Văn phòng Sở			Chi cục Bảo vệ môi trường		
		Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	749,50	75	824,50	749,50	75	824,50	0	0	0	749,50	75	824,50
d	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
e	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	17	0	17	17	0	17	0	0	0	17	0	17